

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành hệ số điều chỉnh giá đất theo vị trí để
xác định giá đất tính tiền thuê đất trong khu công nghiệp,
khu chế xuất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn giá đất;

Xét báo cáo, đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6826/TTr-TNMT-KTĐ ngày 10 tháng 9 năm 2015 và Công văn số 9492/TNMT-KTĐ ngày 27 tháng 11 năm 2015; ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 8048/STC-BVG ngày 22 tháng 10 năm 2015; ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 6577/STP-VB ngày 07 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Quyết định này quy định về hệ số điều chỉnh giá đất theo vị trí để xác định giá đất tính tiền thuê đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng cho các trường hợp sau:

1. Thửa đất, khu đất có giá trị dưới 30 tỷ đồng (tính theo giá đất trong bảng giá đất) theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

2. Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm khi điều chỉnh lại đơn giá thuê đất cho chu kỳ ổn định tiếp theo.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất theo vị trí để xác định giá đất tính tiền thuê đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất

1. Đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ thì hệ số điều chỉnh giá đất theo vị trí là 0,35 lần so với giá đất ở tại vị trí mặt tiền đường của khu công nghiệp, khu chế xuất được quy định trong Bảng giá các loại đất tại Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Đối với đất thương mại, dịch vụ thì hệ số điều chỉnh giá đất theo vị trí là 0,45 lần so với giá đất ở tại vị trí mặt tiền đường của khu công nghiệp, khu chế xuất được quy định trong Bảng giá các loại đất tại Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Khi áp dụng hệ số quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này để tính giá đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất thì:

a) Đối với các quận: giá đất không được thấp hơn 900.000 đồng/m² đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ và 1.200.000 đồng/m² đối với đất thương mại, dịch vụ.

b) Đối với các huyện: giá đất không được thấp hơn 72.000 đồng/m² đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ và 96.000 đồng/m² đối với đất thương mại, dịch vụ.

Điều 3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Cục Thuế Thành phố và Ban Quản lý các khu chế xuất và công

nghiệp căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao hướng dẫn cho các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký. Hệ số điều chỉnh giá đất theo vị trí để xác định giá đất tính tiền thuê đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo Bảng giá các loại đất quy định tại Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan để tổng hợp đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tất Thành Cang